

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01** /2020/DS-ST

Ngày 07 - 7 - 2020

*V/v Tranh chấp đòi lại di sản
thừa kế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PH, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Dương và ông Phạm Ngọc Túy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp kiện đòi lại di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1950 “có mặt”

Hộ khẩu: 14/22K Dân Thắng 2, Tân Thới Nhì, Hóc Môn, Tp. HCM

Địa chỉ: Thôn Đồng Cừ, xã Đ, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà T:

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Đồng Cừ, xã Đ, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 4 năm 2020 “có mặt”.

Bị đơn: Chị Đinh Thị Nh, sinh năm 1973 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn RĐ, xã A, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trịnh Công Q, sinh năm 1950 “vắng mặt”

Địa chỉ cư trú: Thôn 9A, xã Eakaly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

2. Ông Trịnh Công R, sinh năm 1960 “đã chết ngày 17/5/2020”

Địa chỉ cư trú: Số nhà 29/84/29C, đường Đoàn Thị Điểm, phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông R

Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1950

Hộ khẩu: 14/22K Dân T, Tân Thới Nh, Hóc M, Tp. HCM

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

1. Ông Trịnh Công H, sinh năm 1932 “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn Hương H, xã An Vi, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình

2. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1967 “*vắng mặt*”

Địa chỉ: 29/84/29C, đường Đoàn Thị Đ, phường 1, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trịnh Thị T và người được ủy quyền tham gia tố tụng anh Nguyễn Văn Sở trình bày:

Về quan hệ thừa kế: Bố đẻ bà là cụ Trịnh Công T kết hôn với cụ Nguyễn Thị K có 02 con chung là bà Trịnh Thị T, sinh năm 1950 và bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1953. Cụ T kết hôn với cụ Nguyễn Thị Th có 01 con chung là ông Trịnh Công Q, sinh năm 1950. Cụ T kết hôn với cụ Nguyễn Thị Gái có 01 con chung là Trịnh Công R, sinh năm 1960 (Cụ T, cụ K, cụ Th, cụ Gái đã chết).

Ngày 10/12/2018 bà Trịnh Thị T2 chết không để lại di chúc, bà T2 không có chồng, con đẻ, con nuôi, cha, mẹ nuôi. Hàng thừa kế thứ hai của bà T2 gồm có: Bà T, ông Q và ông R (ông R chết ngày 17/5/2020, ông R không có đăng ký kết hôn, không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, con đẻ). Người thừa kế theo pháp luật của bà T2 gồm: bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Công Q.

Bà T2 chết đã để lại khối tài sản là: Quyền sử dụng đất thừa số 186, tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m². Địa chỉ: Thôn RĐ, xã A, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình gắn liền với thửa đất nêu trên là ngôi nhà 02 tầng, diện tích sử dụng là 100,4 m². Giấy chứng nhận số: BY821329; CH 03968. (Ngoài ra còn 01 kệ gỗ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m các tài sản này đang trong căn nhà bà T2). Khối tài sản trên là do bà T2 tạo lập khi còn sống. Hiện nay toàn bộ khối tài sản này do chị Đinh Thị Nh đang chiếm hữu, quản lý sử dụng.

Bà Trịnh Thị T yêu cầu chị Đinh Thị Nh trả lại tài sản là di sản thừa kế của bà T2 mà chị Nh đang quản lý nêu trên.

Về công sức quản lý di sản thừa kế của chị Nh: Bà T đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

Về việc kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trịnh Công R bà T nhận trách nhiệm kế thừa quyền nghĩa vụ của ông R theo pháp luật.

Tại bản T2 khai và tại phiên tòa chị Đinh Thị Nh trình bày:

Trước đây chị Nh là con dâu bà Trịnh Thị T (chồng chị trước đây là anh Nguyễn Văn Sở đã ly hôn và là cháu dâu của bà Trịnh Thị T2 và gọi bà T2 bằng dì). Sau khi ly hôn anh Sở thì chị nuôi 02 con chung. Bà T2 thấy chị nuôi 02 con chung cho nên bà T2 thương chị. Hai con của chị Nh (các con đều dưới 18 tuổi) đến ở cùng bà T2 kể ngày 20/12/2016 cho đến nay. Chị Nh quản lý di sản thừa kế của bà T2 kể từ 10/12/2018 cho đến nay. Chị Nh thừa nhận bà T2 không có chồng, con đẻ, con nuôi, cha, mẹ nuôi và chị Nh thừa nhận ông Trịnh Công Q, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị T2, ông Trịnh Công R là anh, em cùng cha khác mẹ.

Chị Nh xác nhận bà T2 chết để lại khối tài sản như bà T trình bày là đúng nhưng không chấp nhận trả lại di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2 cho bà T quản lý. Vì khi còn sống bà Trịnh Thị T2 đã di nguyện bằng lời nói “...*Sau này bà chết đi thì cháu là người thờ T2 và khi tôi (Nh) chết thì con trai tôi là cháu Nguyễn Công Đạo là người quản lý sử dụng và thờ T2...*” chị Nh chăm sóc bà Trịnh Thị T2 khi mắc bệnh. Chị Nh quản lý di sản của bà Trịnh Thị T2 kể từ ngày 10/12/2018 cho đến nay, sau khi bà T2 mất anh em họ nội của bà T2 (con trai của ông Trịnh Công Q có về viếng đám ma bà T2) là người trực tiếp giao cho chị quyền quản lý, quyền sử dụng tài sản nêu trên của bà Trịnh Thị T2, việc giao quản lý này chỉ bằng lời nói. Do vậy Chị Nh không chấp nhận trả toàn bộ thừa đất và tài sản nêu trên của bà Trịnh Thị T2 cho bà T quản lý. Chị Nh chỉ chấp nhận trả lại di sản thừa kế của bà T2 cho ông Trịnh Công Q và ông Trịnh Công R (ông R đã chết ngày 17/5/2020 và ông R không có người thừa kế), do đó chị Nh chỉ trả lại cho ông Trịnh Công Q là anh trai bà T2.

Về công sức quản lý di sản thừa kế của bà T2: Chị Nh yêu cầu bà T phải thanh toán theo giá trị hợp lý tương đương với mức lương cơ bản hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng, tính từ khi bà T2 chết tháng 12/2018 cho đến ngày xét xử là 20 tháng.

Chị Nh cầu phản tố: Chị Nh có chung tiền đầu giá quyền sử dụng đất và chung tiền làm nhà với bà T2 (số tiền chị chung với bà T2 là 129.000.000 đồng). Tòa án đã thông báo cho chị biết quyền, nghĩa vụ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng chị chưa làm đơn yêu cầu phản tố, do chị Nh chưa thu thập được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của chị. Tại phiên tòa chị cung cấp các tài liệu là bản phô tô từ cuốn sổ gốc kê khai việc mua nguyên vật

liệu để xây dựng nhà ở. Chị Nh đề nghị giải quyết yêu cầu phản tố của chị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Công Q thể hiện tại bản khai ngày 18/02/2020 và ngày 15/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk với nội dung:

Về quan hệ thừa kế: Cụ Trịnh Công T kết hôn với cụ Nguyễn Thị K có 02 con chung là bà Trịnh Thị T, sinh năm 1950 và bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1953. Cụ K kết hôn với cụ Nguyễn Thị Th có 01 con chung là ông Trịnh Công Q, sinh năm 1950. Cụ K kết hôn với cụ Nguyễn Thị Gái có 01 con chung là Trịnh Công R, sinh năm 1960. Ông Q thừa nhận ông và bà T, bà T2, ông R là anh em cùng cha khác mẹ (chỉ có bà T và bà T2 là chị em cùng mẹ, cùng cha). Ông Q không có ủy quyền cho chị Nh về việc trông nom, hương khói và quản lý di sản của bà T2. Ông Q đề nghị Tòa án giao di sản của bà T2 cho ai thì người đó có trách nhiệm quản lý, trông nom hương khói và “sang cát” theo phong tục tập quán cho bà T2 chứ không được phép bán. Ông không liên quan đến tài sản của bà T2, không làm đơn đòi lại tài sản là di sản thừa kế của bà T2. Về việc bà T2 và chị Nh có chung nhau đấu giá quyền sử dụng đất và làm nhà chung hay không ông Q chỉ nghe bà T2 nói bằng lời chứ ông không thấy có giấy tờ gì. Ông từ chối không tham gia tố tụng vì sức khỏe yếu.

Sau khi ông R chết tại bản khai ngày 16/6/2020 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Eakaly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk ông Q trình bày: Ông Trịnh Công R, sinh ngày 06/7/1960. Nơi cư trú: 65/16, Huỳnh Văn Bánh, phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh không có nhận cha, mẹ nuôi, hiện đã có vợ và hiện nay ông không rõ có đăng ký kết hôn không có con đẻ. Ông Q từ chối kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông R.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Công R thể hiện: Tại bản khai ngày 13/02/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh ông R trình bày “...di sản của bà T2 không được bán sử dụng, để thờ cúng,..Ông R đồng ý để chị Nh chăm nom hương khói cho bà T2... đối với việc khởi kiện đòi lại tài sản của bà T ông R không đồng ý..”. Ông R thừa nhận ông và bà T2 là chị, em cùng cha, khác mẹ. Ngày 17/5/2020 ông R chết, bà T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông R.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Kim Lập trình bày: Bà và ông Trịnh Công R, sinh năm 1960. Hộ khẩu thường trú tại: 65/16, Huỳnh Văn Bánh, phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh T2 nguyện sống với nhau và có tổ chức đám cưới được bà con hai bên gia đình đến tham dự lễ cưới nhưng bà và ông Trịnh Công R không đăng ký kết hôn và cũng không có con chung. Bà Lập được biết Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình

đang tiến hành giải quyết vụ án dân sự. Bà không liên quan đến tài sản mà ông R là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà từ chối tham gia tố tụng.

Ông Trịnh Công Húy trình bày: Ông Húy và cụ Trịnh Công T là anh em con chú, con bác ruột và ông Húy thừa nhận cụ T kết hôn với cụ Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị K và cụ Nguyễn Thị Gái. Các bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Công Q, ông Trịnh Công R là anh, chị em cùng cha khác mẹ. Ông Húy đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự gồm: Bà T, anh Sở, chị Nh chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Cần xác định di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1953 (đã chết năm 2018) là thửa đất số 186 tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m² và tài sản gắn liền là nhà ở có diện tích: Nhà ở tầng 1 là 58m² tầng 2 là 42,4m². Tổng diện tích là 100,4 m². Địa chỉ: Thôn RĐ, xã A, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình (Ngoài ra còn 01 kệ gỗ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m các tài sản này đang trong căn nhà bà T2). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T buộc chị Đinh Thị Nh phải giao lại toàn bộ khối tài sản là di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2 cho bà Trịnh Thị T được quyền quản lý kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BY 821329; GCN CH: 03968. Buộc bà T phải thanh toán cho chị Nh tiền công quản lý di sản tương đương với mức lương cơ bản hiện nay với thời gian tương ứng là 20 tháng. Về án phí, chi phí tố tụng chị Nh phải chịu theo pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] *Về thẩm quyền:* Bà Trịnh Thị T khởi kiện yêu cầu chị Đinh Thị Nh trả lại quyền sử dụng đất thửa số 186, tờ bản đồ số 16 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BY 821329; GCN CH: 03968 gắn liền với thửa đất nêu trên là ngôi nhà 02 tầng, diện tích sử dụng là 100,4 m² và 01 kệ gỗ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m là di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2 để lại mà chị Nh đang quản lý. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp kiện đòi lại di sản thừa kế”. Bị đơn chị Đinh Thị Nh hiện đang cư trú tại thôn RĐ, xã A, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào Điều 26, khoản 1

Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình.

[2.2] Về thủ tục đưa người tham gia tố tụng: Sau khi có lời khai của chị Nh, bà T và kết quả xác minh: Tòa án đã đưa ông Trịnh Công Q, ông Trịnh Công R vào tham gia tố tụng là đúng theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 10/12/2018 bà Trịnh Thị T2 chết, ngày 02/10/2019 bà T có đơn khởi kiện đòi lại di sản thừa kế của bà T2 là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] *Về thủ tục yêu cầu phản tố:* Ngày 14/01/2020 và ngày 27/4/2020 chị Nh có trình bày trong bản khai về việc chung với bà T2 để đầu giá quyền sử dụng đất, làm nhà với số tiền là 129.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho chị Nh để thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn đối với yêu cầu phản tố nhưng chị Nh không thực hiện nghĩa vụ theo Điều 200, 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nh không viết đơn yêu cầu và giao nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của chị Nh cho nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị Nh có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo khoản 6 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] *Về thủ tục kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:* Ngày 17/5/2020 ông Trịnh Công R chết Tòa án làm thủ tục Thông báo kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng và căn cứ vào xác nhận của Ủy ban nhân dân phường 17, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin: “... Ông Trịnh Công R, sinh ngày 06/7/1960; Chứng minh nhân dân số: 021718089, cấp ngày 27/4/2009 nơi cấp Công an Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam. Nơi cư trú: 65/16, Huỳnh Văn Bánh, phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh không có làm thủ tục nhận cha, mẹ nuôi, không có đăng ký kết hôn với ai và không có đăng ký nhận nuôi con nuôi và không đăng ký khai sinh của ông R”.

Lời trình bày của ông Trịnh Công Q tại bản khai ngày 16/6/2020 “... Ông R có vợ và có đăng ký kết hôn hay không ông không rõ...” phù hợp với Lời trình bày của bà Nguyễn Kim Lập “... bà và ông R chỉ tổ chức đám cưới vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn...”. Như vậy ông Trịnh Công R không có đăng ký kết hôn, không có cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi cho nên không có Hàng thừa kế thứ nhất tham gia kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông R trong vụ án. Ông R chỉ có bà T và ông Q là hàng thừa kế thứ hai, ông Q từ chối tham gia kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông R, chỉ có bà Trịnh Thị T đồng ý kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông R. Do đó Hội đồng xét xử xác định bà

T là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông R theo Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Về di sản thừa kế:* Các đương sự đều thống nhất bà T2 chết để lại khối tài sản gồm: Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m². Gắn liền với thửa đất là nhà ở tầng 1 là 58 m² tầng 2 là 42,4 m². Địa chỉ: Thôn RĐ, xã A, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BY 821329; GCN CH: 03968 mang tên bà Trịnh Thị T2 và 01 kệ gỗ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m. Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Thửa đất nêu trên không có tranh chấp, lấn chiếm, diện tích đúng với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Nh thừa nhận trong quá trình quản lý, sử dụng chị không có tôn tạo, làm thêm mới bất cứ công trình nào khác với khối tài sản là di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2,

[3.2] Về người thừa kế theo pháp luật của bà T2:

Căn cứ vào lời trình bày của bà T, chị Nh, ông Q, ông R, bà Lập, ông Húy đều thừa nhận: Cụ Trịnh Công T kết hôn với cụ Nguyễn Thị K có 02 con chung là bà Trịnh Thị T, sinh năm 1950 và bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1953. Cụ T kết hôn với cụ Nguyễn Thị Th có 01 con chung là ông Trịnh Công Q, sinh năm 1950. Cụ T kết hôn với cụ Nguyễn Thị Gái có 01 con chung là Trịnh Công R, sinh năm 1960 (Cụ T, cụ K, cụ Th, cụ Gái đã chết). Ông Trịnh Công Q, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị T2, ông Trịnh Công R là anh, chị em cùng cha khác mẹ.

Căn cứ vào xác minh hàng thừa kế tại các Ủy ban nhân dân xã Đ, xã An Vinh, xã A thuộc huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình và Ủy ban nhân dân phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xác định: Bà Trịnh Thị T2 không có đăng ký kết hôn, không có con đẻ, con nuôi, không có cha, mẹ nuôi; Ủy ban nhân dân xã Đ, xã An Vinh thuộc huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình không lưu giữ giấy khai sinh của bà T2 và bà T; giấy chứng tử của cụ T và cụ K.

Căn cứ vào điểm e mục 4 của Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19 tháng 10 năm 1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh Thừa kế quy định “... *Anh ruột, chị ruột, em ruột là anh, chị, em cùng một người cha sinh ra bao nhiêu con thì bấy nhiêu người con đó đều là anh, chị, em ruột của nhau, không phụ thuộc vào việc các người con đó cùng mẹ hay khác mẹ...*”

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ hai của bà T2 gồm: Bà T, ông Q, ông R (Do ông R chết ngày 17/5/2020 và không có vợ, con đẻ, con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi). Do đó, hàng thừa kế thứ hai của bà T2 là bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Công Q.

[3.3] *Về yêu cầu của bà T đòi lại di sản thừa kế của bà T2 do chị Nh đang quản lý:* Bà T là chị ruột của bà T2 căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 bà T thuộc hàng thừa kế thứ hai, bà T có quyền đòi lại tài sản là di sản thừa kế của bà T2 mà chị Nh đang quản lý, sử dụng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà T buộc chị Nh trả lại khối tài sản là di sản thừa kế của bà T2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BY 821329; GCN CH: 03968 và 01 kệ gỗ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m cho bà T quản lý.

[3.4] *Về di sản thừa kế của bà T2 do chị Nh đang quản lý:* Lời trình bày của chị Nh thể hiện tại bản khai ngày 14/01/2020 và ngày 27/4/2020 và phiên hòa giải ngày 18/5/2020 và tại phiên tòa: Chị Nh không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc quản lý di sản của bà T2 là hợp pháp. Chị Nh thống nhất việc chị quản lý, sử dụng di sản thừa kế của bà T2, kể từ khi bà T2 chết ngày 10/12/2018 cho đến nay. Chị Nh quản lý di sản của bà T2 là do bà T2 có di nguyện bằng miệng đối với chị khi bà T2 còn sống, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 629 và khoản 5 Điều 630 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy di nguyện của bà T2 bằng lời nói đối với chị Nh là không hợp pháp. Chị Nh đưa ra căn cứ do ông Q ủy quyền cho chị quản lý di sản thừa kế của bà T2 căn cứ khoản 1 Điều 616 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà T2 chết không để lại di chúc, những người thừa kế là ông Q, ông R, bà T không có văn bản thỏa thuận cử chị Nh là người quản lý di sản của bà T2. Do đó việc chị Nh quản lý, sử dụng di sản thừa kế của bà T2 là không có căn cứ pháp luật.

[3.5] *Về công sức quản lý di sản thừa kế của bà T2:* Chị Nh yêu cầu bà T phải thanh toán công sức quản lý di sản thừa kế của bà T tương đương với mức lương cơ bản là 1.490.000 đồng/tháng, tính từ tháng 12 năm 2018 đến ngày xét xử là tháng 7 năm 2020. Bà T đề nghị thanh toán công sức quản lý di sản của chị Nh theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức đề nghị của chị Nh là hợp lý và có căn cứ chấp nhận. Cần buộc bà T phải thanh toán cho chị Nh một khoản thù lao hợp lý theo cách tính: 1.490.000 đồng x 20 tháng (tính từ tháng 12/2018 đến tháng 7/2020 là 20 tháng) là 29.800.000 đồng.

[3.6] *Về đề nghị của ông Q:* Ông Q là anh ruột của bà T2 căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông Q có quyền đòi lại

di sản thừa kế của bà T2 mà chị Nh đang chiếm hữu, sử dụng. Nhưng căn cứ vào lời trình bày của ông Q đề nghị “... *Tòa án giao di sản thừa kế của bà T2 cho ai thì người đó có trách nhiệm quản lý và thực hiện các nghĩa vụ đối với người chết để lại.*”. Ông Q cũng không tham gia tố tụng và kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông R, đây là quyền của ông Q theo Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.7] *Về đề nghị của ông R:* Ông R là em ruột của bà T2 căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông R có quyền đòi lại di sản thừa kế của bà T2 mà chị Nh đang chiếm hữu, sử dụng. Tại bản khai ngày 13/02/2020 ông R trình bày “...*không được bán sử dụng để thờ cúng, Ông R đồng ý để cô Nh chăm nom hương khói cho bà T2... đối với việc khởi kiện đòi lại tài sản của bà T ông R không đồng ý...*”, đây là ý chí của ông R khi còn sống và đến ngày 17/5/2020 ông R chết, căn cứ Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông R là bà Trịnh Thị T. Bà Nguyễn Kim Lập trình bày có tổ chức đám cưới với ông R và năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, do đó bà Nguyễn Kim Lập không kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông R.

[4] *Về án phí và chi phí tố tụng khác:* Do yêu cầu của bà T được chấp nhận cho nên chị Đinh Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí đo máy của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Thái Bình là 3.000.000 đồng theo khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu án phí dân sự về việc thanh toán công sức quản lý di sản thừa kế của bà T2 nhưng bà T là người cao tuổi có đơn đề nghị cho nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 74; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158; Điều 200, 202; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9; Điều 613, 618, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xác định: Di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1953 (đã chết năm 2018) gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 186 tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m². Diện tích Nhà ở tầng 1: 58 m² tầng 2: 42,4 m² Tổng diện tích là 100,4 m². Địa chỉ: Thôn RĐ, xã A, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BY 821329; GCN CH: 03968 và 01 kệ gỗ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m (do chị Nh đang quản lý).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T buộc chị Đinh Thị Nh phải trả lại khối tài sản là di sản thừa kế của bà Trịnh Thị T2 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 186 tờ bản đồ số 16 diện tích 157,8m². Diện tích Nhà ở tầng 1: 58 m² tầng 2: 42,4 m² (Tổng diện tích là 100,4 m²). Địa chỉ: Thôn RĐ, xã A, huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ: BY 821329; GCN CH: 03968 và 01 kệ gỗ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 giường gỗ có kích thước 1,6m x 2,0m cho bà Trịnh Thị T được quyền quản lý.

3. Buộc bà Trịnh Thị T phải thanh toán cho chị Đinh Thị Nh công sức duy trì, quản lý di sản thừa kế của bà T2 là 29.800.000 đồng (*Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng*).

4. Về yêu cầu phản tố của chị Đinh Thị Nh do chị Nh không thực hiện nghĩa vụ tố tụng cho nên không xem xét giải quyết. Chị Nh có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự. Bà Trịnh Thị T không phải chịu án phí dân sự về thanh toán công sức duy trì, quản lý di sản thừa kế của bà T2. Trả lại bà Trịnh Thị T 300.000 đồng tiền án phí dân sự bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004212 ngày 06/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Ph, tỉnh Thái Bình

6. Về chi phí tố tụng: Chị Đinh Thị Nh phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc chị Đinh Thị Nh phải trả bà Trịnh Thị T số tiền 3.000.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

7. Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị T, chị Đinh Thị Nh có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 7 năm 2020). Ông Trịnh Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Kèm theo Bản án số 01/2020/DS-ST, ngày 02, 07/7/ 2020 là 01 sơ đồ gồm thửa đất).

Nơi nhận

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Ph;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Ph;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Huy Hoàng

